

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 05-4-2021
V/v tranh chấp “Ly hôn và nuôi
con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tạo.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Quang Minh;
Ông Duyên Văn Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thêu - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 05 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Tuyết N, sinh năm 1995 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Anh Phan Thế H, sinh năm 1990 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07 tháng 01 năm 2021 và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ thể hiện, nguyên đơn chị Nguyễn Tuyết N trình bày yêu cầu:

- Về hôn nhân: Qua thời gian quen biết, tìm hiểu nhau nên chị N và anh H sống chung với nhau vào năm 2016, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới, nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, dẫn đến thường xuyên cự cãi nhau nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 02/2020 cho đến nay. Xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn tồn tại, đời sống chung không đạt được hạnh phúc, cuộc sống

chung vợ chồng không thể tiếp tục duy trì nên chị Nguyễn Tuyết N xin được ly hôn với anh Phan Thế H.

- Về con chung: Có 01 người con chung tên Nguyễn Phan Phương T, sinh ngày 09/02/2017 (nữ), hiện sống chung với chị N, khi ly hôn chị N yêu cầu được nuôi con là Nguyễn Phan Phương T.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Phan Thế H trình bày:*

- Về hôn nhân: Anh H thống nhất với nội dung trình bày trên của chị N, về hôn nhân chị N trình bày là đúng. Qua thời gian quen biết, tìm hiểu nhau nên anh H và chị N chung sống với nhau vào năm 2016, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, dẫn đến thường xuyên cự cãi nhau nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 02/2020 cho đến nay. Xét thấy, đời sống chung không đạt được hạnh phúc và không thể tiếp tục duy trì nên anh H đồng ý ly hôn với chị N.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Phan Phương T, sinh ngày 09/02/2017 (nữ), hiện sống chung với chị N, khi ly hôn anh H đồng ý giao con chung là Nguyễn Phan Phương T cho chị N nuôi dưỡng, chăm sóc, việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra yêu cầu.

- Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn chị Nguyễn Tuyết N và bị đơn anh Phan Thế H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, yêu cầu của đương sự phù hợp với khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

Về nội dung vụ án:

[1] Về hôn nhân: Chị N và anh H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2016 nhưng đến nay chưa lập thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Chị N xin ly hôn là vì trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, dẫn đến thường xuyên cự cãi nhau nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 02/2020 cho đến nay. Mặt khác, anh H cũng

xác định đời sống chung không đạt được hạnh phúc và không thể tiếp tục duy trì nên anh H đồng ý ly hôn với chị N.

Xét thấy, chị N từ năm 2016 đến nay có sống chung như vợ chồng với anh H mà không có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Do đó, chị N và anh H chung sống với nhau mà không đăng ký kết hôn đã vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, theo quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình thì quan hệ hôn nhân của chị N và anh H không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[2] Về nuôi con chung: Chị N và anh H xác định có 01 người con tên Nguyễn Phan Phương T, sinh ngày 09/02/2017 (nữ), hiện sống chung với chị N. Khi ly hôn chị N và anh H thỏa thuận thống nhất giao con chung là Nguyễn Phan Phương T cho chị N nuôi dưỡng và chăm sóc. Sự thỏa thuận này của chị N và anh H không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái với đạo đức xã hội nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[3] Về chia tài sản chung và nợ chung: Căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự “*Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó*”, do đương sự không đặt ra yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch 300.000 đồng, người khởi kiện yêu cầu ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án có chấp nhận hay không chấp nhận cho ly hôn đều phải chịu án phí nên chị N phải chịu nộp 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã dự nộp.

[5] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm

2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Tuyết N và anh Phan Thế H.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Nguyễn Tuyết N nuôi dưỡng và chăm sóc con chung tên Nguyễn Phan Phương T, sinh ngày 09/02/2017 (nữ).

Anh H không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung và nợ chung: Chị N và anh H không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch 300.000 đồng, chị N phải chịu nộp án phí 300.000 đồng, chị N có nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004535 ngày 12 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được chuyển thu, không phải nộp tiếp.

“Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự”.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; vắng mặt tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS H.Trần Văn Thời;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Văn phòng Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tạo